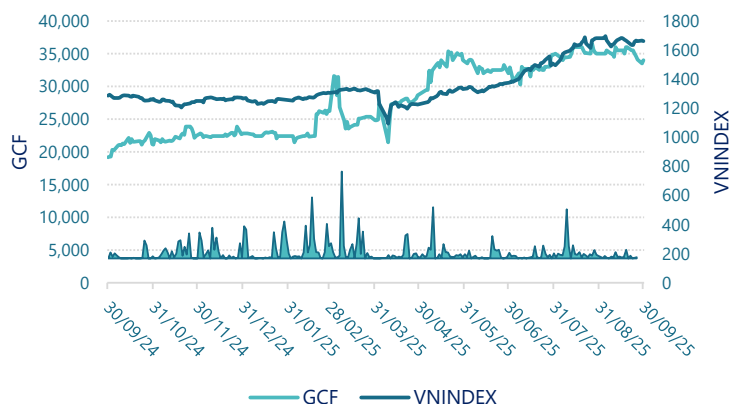


CTCP Thực phẩm G.C (UPCOM: GCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,179
SL cổ phiếu LH	39,314,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,105
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,337
P/E	14.3
EPS	2,381

DT thuần

Q3/25

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 2.8%

YoY: ▲ 20.0 | 11.8%

LN sau thuế

Q3/25

31.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.80 | 32.7%

YoY: ▲ 8.70 | 37.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

23.2%

+/- YoY: ▲ 3.6%

DT thuần

9T 2025

527

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 95.0 | 21.9%

LN sau thuế

9T 2025

79.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.8 | 45.3%

ROE

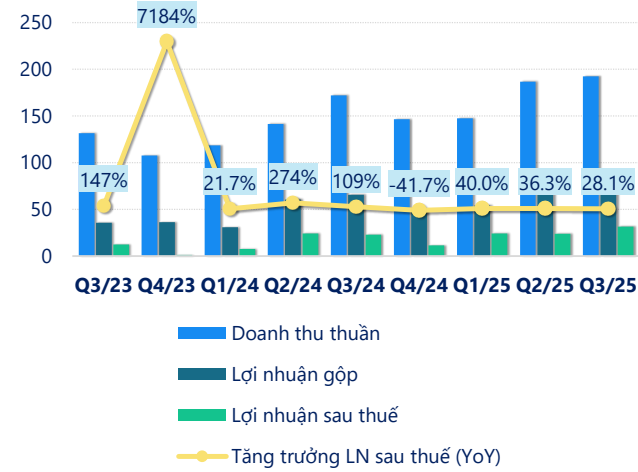
Q3/25

16.9%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

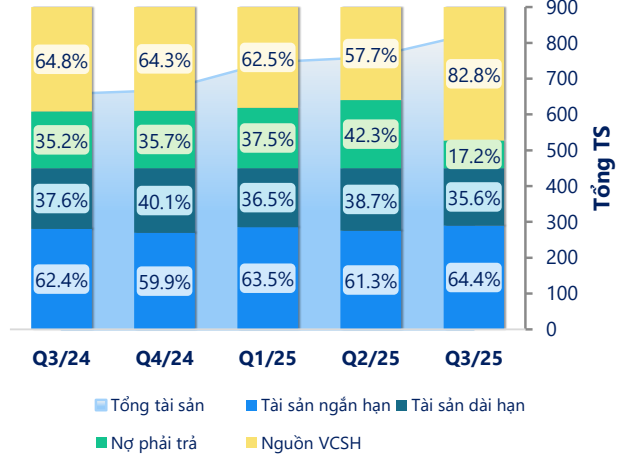
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

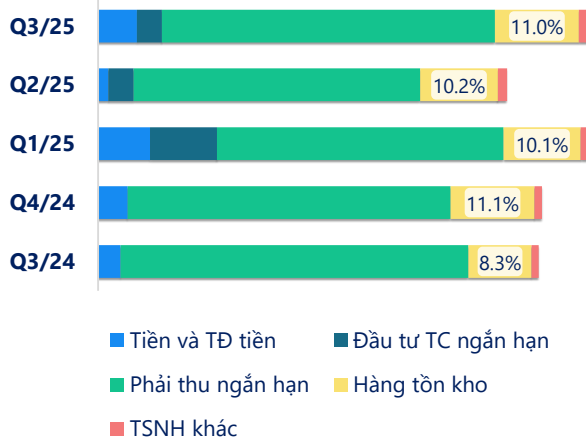
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



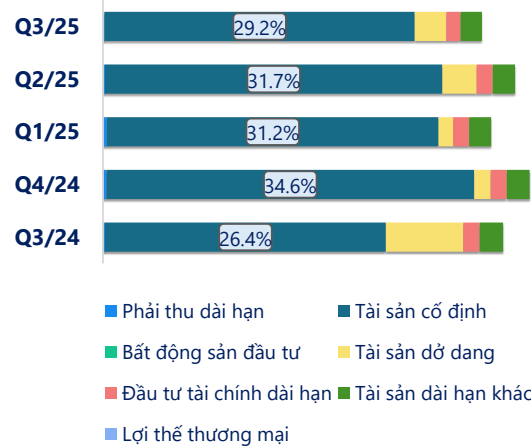
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

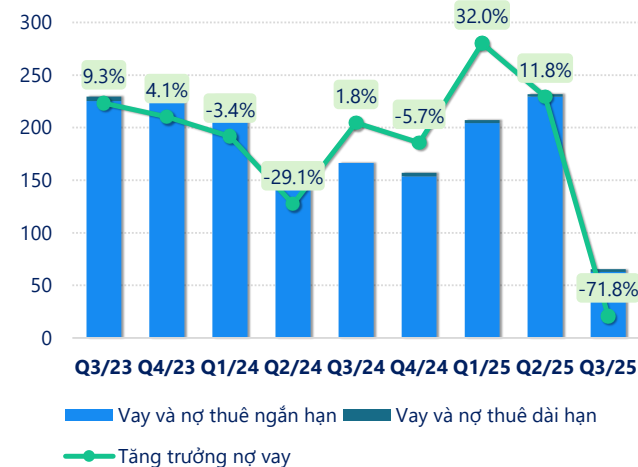
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

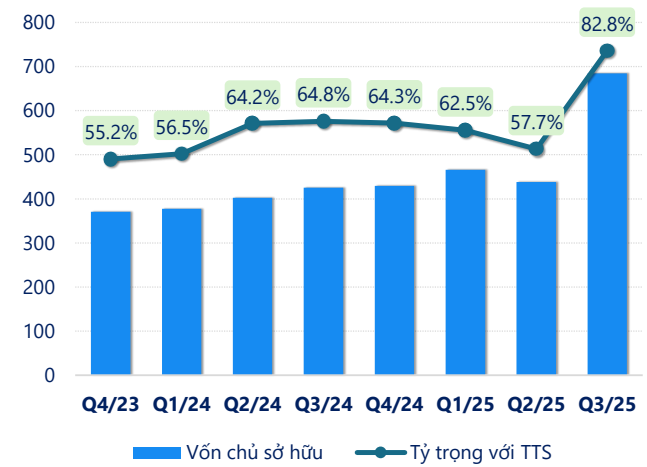
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

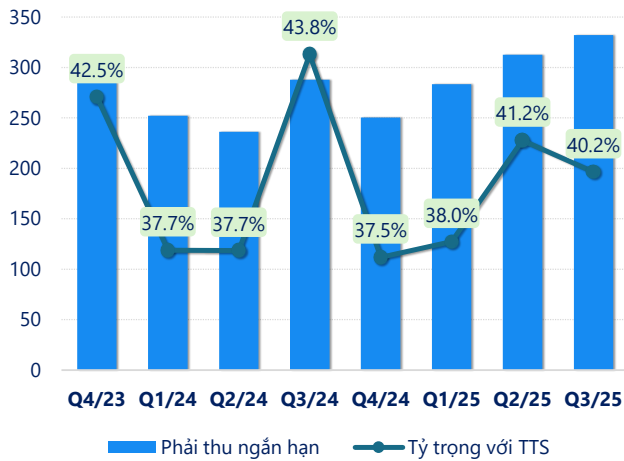
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



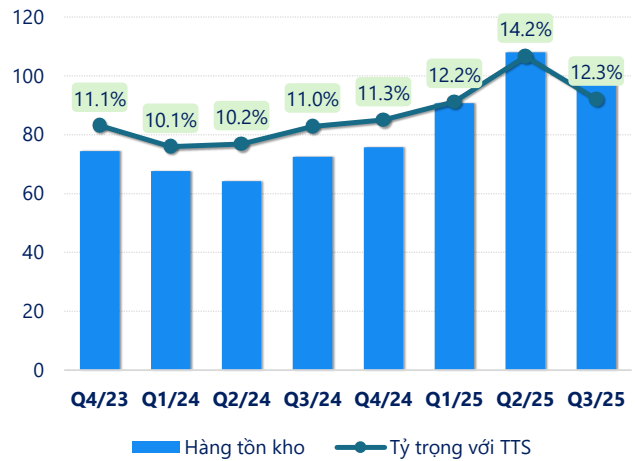
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


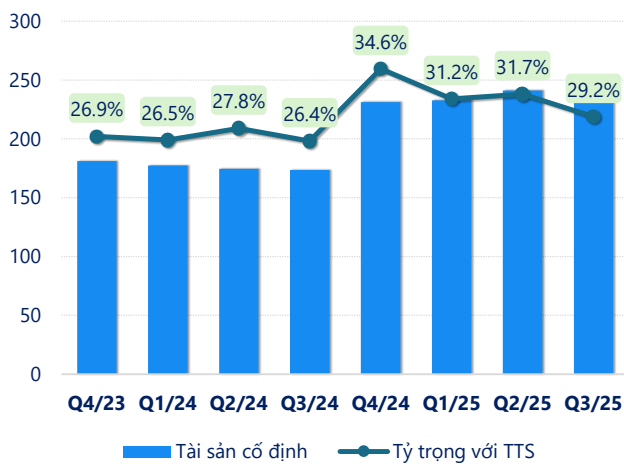
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


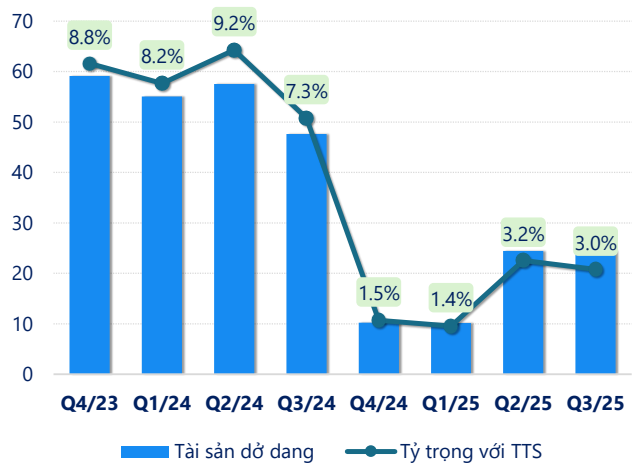
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

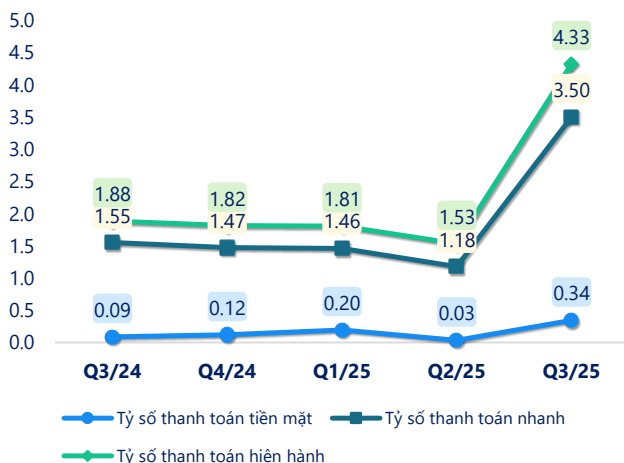
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

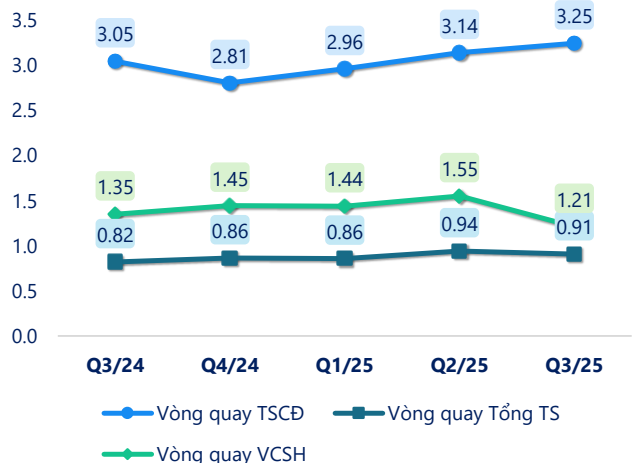
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	657	668	746	760	827
Tài sản ngắn hạn	410	400	474	465	532
Tiền và tương đương tiền	19.4	26.0	51.1	10.3	42.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.7	36.9	35.8	20.9	40.9
Phải thu ngắn hạn	288	251	284	313	332
Hàng tồn kho	72.5	75.7	90.7	108	101
Tài sản ngắn hạn khác	8.07	10.9	12.6	13.6	15.5
Tài sản dài hạn	247	268	272	294	295
Phải thu dài hạn	1.25	2.11	2.71	1.38	1.23
Tài sản cố định	173	231	233	241	241
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	47.7	10.2	10.2	24.5	24.5
Đầu tư tài chính dài hạn	10.1	10.1	11.2	11.3	11.2
Tài sản dài hạn khác	14.5	14.4	15.5	16.0	16.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	231	238	280	321	142
Nợ ngắn hạn	217	220	262	303	123
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	154	204	230	62.8
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	22.2	20.4	26.3	20.1
Nợ dài hạn	13.7	18.2	17.9	17.8	18.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	3.15	2.99	2.21	2.68
Nguồn vốn chủ sở hữu	425	429	466	438	685
Vốn chủ sở hữu	425	429	466	438	685
Vốn điều lệ	307	307	322	322	393
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)